Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Phụ lục số 53

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ VÕ MIẾU

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 32	Hết đất hộ ông Văn Liên (khu Tân Thịnh)	Cây xăng (khu Ao Vèn)	3.000	1.700	1.200	1.200	700	500	900	500	400
2		Cây xăng (khu Ao Vèn)	Giáp xã Thanh Sơn	2.200	1.200	900	900	500	400	700	400	300
3		Giáp với đất hộ ông Văn Liên (khu Tân Thịnh)	Giáp xã Minh Đài	1.600	900	600	600	400	300	500	300	200
4	Đường Quốc lộ 70B	Ngã ba Việt Tiến	Giáp xã Minh Hòa	2.400	1.300	1.000	1.000	500	400	700	400	300
5		Cầu Trắng	Giáp xã Cự Đồng	4.200	2.300	1.700	1.700	900	700	1.300	700	500
6		Cầu Trắng	Giáp xã Thanh Sơn	4.000	2.200	1.600	1.600	900	600	1.200	700	500
7	Đường tỉnh 316C	Giáp xã Thục Luyện cũ	Cây xăng Lưu Thủy (chân dốc Trại)	2.800	1.500	1.100	1.100	600	400	800	500	300
8		Cây xăng Lưu Thủy	Đầu cầu Bần	4.200	2.300	1.700	1.700	900	700	1.300	700	500
9		Cầu Bần mới	Giáp xã Văn Miếu	4.200	2.300	1.700	1.700	900	700	1.300	700	500
10	Đường D1 - K6	Đường rẽ Quốc lộ 32	Trường THCS Địch Quả	1.400	800	600	600	300	200	400	250	200
11		Trường THCS Địch Quả	Ông Lương xóm Chiềng	900	500	400	400	200	100	300	200	100
12	Đường liên thôn	Tỉnh lộ 316C (hộ ông Tiến Dung)	Nhà bà Nhung	4.800	2.600	1.900	1.900	1.000	800	1.400	800	600
13		Giáp nhà bà Nhung	Hộ bà Cần (khu Trại)	4.200	2.300	1.700	1.750	900	700	1.400	700	500
14		Hộ nhà ông Tuấn Sơn	Cầu treo xóm Sang Vường (hết nhà bà Thanh)	4.200	2.300	1.700	1.700	900	700	1.300	700	500
15		Công ty chè High land	Giáp xã Minh Đài	2.400	1.300	1.000	1.000	500	400	800	400	300
16		Hộ ông Tiêu khu 4.1	Hộ ông Tuấn (khu Nương)	1.100	600	400	400	250	200	300	200	100
17		Chợ	Hộ ông Hải	1.400	800	600	600	300	200	400	250	200
18		Đường nối Quốc lộ 70B (Ao cá UBND xã)	Ngã ba nhà văn hóa khu Gò Tre	1.400	800	600	600	300	200	400	250	200
19		Hộ ông Thành khu 13	Hộ ông Tiến (khu 13)	1.100	600	400	400	250	200	300	200	100
20		Hộ ông Lưu khu 6	Hộ bà Lý	1.100	600	400	400	250	200	300	200	100
21		Nhà văn hóa Gò Tre	Đến hộ ông Chanh (Đường đi Thác Chòi)	1.100	600	400	400	250	200	300	200	100
22		Khu Đền Vọng (Quốc lộ 32)	Khu Gò Giữa (tiếp giáp đường D1-K6)	900	500	400	400	200	100	300	200	100
23		Đất nhà bà Thêm (khu Chiềng)	Hết đất nhà ông Hồng (khu Quyết Tiến)	900	500	400	400	200	100	300	200	100

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
24	Các tuyến đường khác	Đường rẽ đường tỉnh 316C	Hết hộ ông Nhị (khu Rịa 2)	2.800	1.500	1.100	1.100	600	400	800	500	300
25		Đường rẽ đường tỉnh 316C (xóm Bần 2)	Đầu cầu treo (xóm Sang Vường)	2.400	1.300	1.000	1.000	500	400	700	400	300
26		Hộ ông Hà	Giáp xã Minh Đài	2.000	1.100	800	900	500	300	700	400	300
27		Đường tỉnh 316C	Tràn xóm Liên Thành	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
28		Tràn Liên Thành	Giáp xã Cự Thắng cũ	1.400	800	600	600	300	200	500	300	200
29		Nhà ông Hùng xóm Thanh Hà	Nhà văn hóa xóm Tân Bình	2.000	1.100	800	800	400	300	600	300	200
30		Nhà bà Thơm (xóm Bần 1)	Nhà văn hóa xóm Vùng	1.800	1.000	700	700	400	300	500	300	200
*	**Khu dân cư, khu đấu giá**											
31	Băng 2 vị trí đấu giá quyền sử dụng đất Đồng Cu, khu 8			1.100			450			350		
32	Hạ tầng đấu giá khu Hà Biên	Băng 1: Vị trí đấu giá tiếp giáp đường tỉnh 316C		4.800			2.000			1.600		
33		Băng 2: Vị trí đấu giá còn lại tiếp giáp đường quy hoạch trong khu vực dự án		3.000			1.300			1.000		
34	Hạ tầng đấu giá tại khu Đình	Băng 1: Vị trí đấu giáp tiếp giáp đường Quốc lộ 70B (LK1, LK3, LK5)		4.800			2.000			1.600		
35		Băng 2: Vị trí đấu giáp tiếp giáp đường quy hoạch (LK1, LK3)		3.600			1.500			1.200		
36		Băng 3: Vị trí đấu giá tiếp giáp đường quy hoạch (LK2, LK4)		2.400			1.000			800		
37	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá			900			400			300		